

Tên _____

Ngày ____ tháng ____ 2007

Bài Ôn cho Kỳ Thi II

Bài 25- Ay, Ấy

I. Em tập đọc và dịch sang tiếng Anh. *Read the following sentences and translate them into English.*

1. Hôm nay mây đen vây quanh thành phố làm không khí đều hiu, lạnh lùng.

2. Cô thợ may chăm chỉ làm việc.

3. Mẹ thích nấu những món ăn rất cay.

4. Ba dậy sớm để đi làm.

5. Cô Thảo dạy lớp Ba ở trường Việt Ngữ Lạc Hồng.

6. Chị giúp em mặc áo, mang giày, đội nón.

7. Đôi giày này có đế thật dày.

II. Các em sửa chữ cho đúng và dịch sang tiếng Anh. *Correct the words in parentheses and translate into English.*

1. Hôm nay, em (giậy) lúc 7 giờ sáng.

2. Chiều nay, (mấy) đen bao phủ bầu trời.

3. Đôi (dày) cũ nhưng rất bền.

4. Quyển sách Toán (dây) quá!

5. Ba (giậy) em toán và tiếng Việt.

Bài 26- Am, Ăm, Âm

I. Em dịch những câu sau đây sang tiếng Việt. *Translate the following sentences into Vietnamese.*

1. He forgot to plug the electrical cord in.

2. I will go camping with my friends from Lạc Hồng School this evening.

3. Dad forbids us from watching TV.

4. He reduces speed as soon as he sees the policeman.

5. He stomps on the spider.

II. Em khoanh tròn chữ cho hợp nghĩa và dịch sang tiếng Anh.
Circle the correct word and translate the sentence into English.

1. Bà em bắt đầu (lắm cảm, lảm cẩm) và quên tên mọi người.

2. Bé (dặm, giặm) chân tức giận.

3. Mẹ (cảm thấy, bị cảm) mệt mỏi sau khi đi bộ thật lâu.

4. Anh chạy năm (dặm, giặm) mỗi buổi sáng.

5. Người đó nghèo quá, ông ấy phải (cảm, cảm) cái xe đạp để trả tiền nợ.

Bài 27- Ac, Ăc, Âc

I. Em tìm predicate cho các chủ từ và viết lại thành câu. *Find the right predicate for the subject and rewrite the whole sentence on the given space. Please write the complete sentence (no points otherwise).*

Subject

Predicate

1. Con lạc đà ở bên cạnh nhà em là nhà của bạn em.

.....

2. Mẹ dài mười lăm tấc.

.....

3. Em bé không cần uống nước trong bảy ngày.

.....

4. Cái nhà muốn mẹ cho uống sữa.

.....

5. Cái bàn nấu xôi gấc cho chúng em.

.....

II. Em tìm cho đúng nghĩa các từ sau đây. *Find the right meaning for the following words.*

ác	_____	a. sure
các em	_____	b. every kid
khác	_____	c. cruel
rác	_____	d. to shake one's head
lạc đà	_____	e. different
chắc chắn	_____	f. a coat hanger
lắc đầu	_____	g. garbage
sắc	_____	h. decimeter
nhắc nhở	_____	i. to lift
cái mắc áo	_____	j. sharp
nhắc	_____	k. to remind
xôi gấc	_____	l. a sleep
giấc mơ	_____	m. camel
tác	_____	n. orange sweet rice
giấc ngủ	_____	o. a dream

Bài 28- Ap, Ấp, Ấp

I. Em học những câu sau đây để làm Chính tả. *Learn the following sentences for Chính tả.*

1. Các em hấp tấp làm bài để được đi chơi.
2. Em dơ tay hỏi cô giáo lặp lại câu trả lời.
3. Mẹ sắp nấu cơm chiều.
4. Bà chậm chạp đi bộ ra vườn.
5. Hôm qua, em nằm mơ thấy con ma mờ mờ mắt.
6. Ba đắp mền cho em bé.
7. Nó nắm tay mẹ thật chặt vì sợ vấp té.

Bài 29- At, Ất, Ất

I. Khoanh tròn câu trả lời. *Circle the correct answer.*

1. Em chơi ở bãi biển.
 - a) quạt máy điện
 - b) cát
 - c) máy video game
2. lặn (xuống) lúc 7 giờ chiều hôm nay.
 - a) mặt trăng
 - b) trái đất
 - c) mặt trời
3. Em nói chuyện, không biết nói láo.
 - a) thật thà
 - b) láo lếu
 - c) gạt đầu
4. Cô giáo bài làm.
 - a) giặt đồ
 - b) bắt

- c) phát
5. quay chung quanh mặt trời.
- a) mặt trăng
 - b) trái đất
 - c) miếng đất bùn
6. Bà ấy làm nghề tóc.
- a) thật thà
 - b) mất
 - c) cắt
7. Bác sĩ bắt buộc ông phải ăn thức ăn vì ông bị áp huyết cao (high blood pressure)
- a) lặt
 - b) nhạt
 - c) trệt lất
8. Em phụ mẹ mỗi thứ bảy.
- a) bắt đồ
 - b) giặt đồ
 - c) giặt đồ
9. Trâm ngồi bên của Kelly.
- a) tai mặt
 - b) tay mặt
 - c) tay mặt
10. Ba mở cho có hơi gió.
- a) cửa sổ
 - b) quạt máy
 - c) tất cả

Bài 30- En, Ên, In

I. Em xếp lại những từ cho thành câu hợp nghĩa. *Unscramble the sentences.*

1. áo len / chị Lan. / Mẹ / đan / cho

2. nhưng / Giày / bền. / cũ

3. đèn đỏ. / Phải ngừng xe / khi / thấy

4. quên / Tuần trước / ở nhà. / em / sách

5. bàn thờ. / Ba / nến / thấp / trên

II. Em học những câu sau đây để làm Chính tả. *Learn the following sentences for Chính tả.*

1. Chúng nó hẹn gặp nhau ở Starbuck.
2. Ba mẹ nhắc nhở em học bài mỗi tối.
3. Chúng con rất quý mến ông bà và cha mẹ.
4. Em học sinh này hay quên bài tập ở nhà.
5. Cô giáo dặn các em phải giữ gìn sách vở.
6. Mùa Đông, em thích mặc áo len.
7. Ba thấp đèn cho sáng nhà.

Comprehension- Đọc bài và trả lời câu hỏi (answer in complete sentences- points get deducted otherwise)

I. Nhưng mọi người không biết là mỗi tối đứa con trai nhà họ Phạm ở tầng lầu thứ hai dùng thang máy đi lên đi xuống cả đêm nên mọi người không dùng được thang máy. Đứa bé này cũng là người bỏ rác thúi trong hành lang. Vì nó sợ bóng tối nên không dám ra ngoài.

1. Ai là người dùng thang máy mỗi tối?

.....

2. Đứa con trai nhà họ Phạm để rác ở đâu?

.....

3. Tại sao nó không bỏ rác ra ngoài?

.....

II. Ngày xưa có một người đàn bà tên là Demeter, việc làm của bà là làm cho bông hoa, cây trái mọc quanh năm (365 ngày). Con gái của Demeter tên là Persephone, cô ta rất là đẹp.

Một hôm trong lúc đi bộ, Persephone đi lạc. Hades từ dưới lòng đất chui lên. Ông ta bắt Persephone xuống địa ngục. Ông ta muốn Persephone làm vợ. Trong lúc đó, bà Demeter không tìm được con gái nên buồn bã. Bà Demeter không chăm sóc trái đất, để cho đất cằn cỗi và lạnh lùng.

1. Việc làm của bà Demeter là gì?

.....

.....

2. Con gái của bà Demeter tên là gì?

.....

3. Ai bắt Persephone? Bắt đi đâu?

.....

4. Tại sao bà Demeter không chăm sóc trái đất?

.....

.....